

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2024/HSST

Ngày 02/8/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 198/2024/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thanh T**, Giới tính: Nam, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2005; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Bùi Văn T1, sinh năm 1980 và con bà Võ Thị V, sinh năm 1985. Hiện trú tại: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B – Có mặt.

Người bị hại: Bà Đặng Xuân Đ, sinh năm 2007

Địa chỉ: Hẻm B P, Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk –

Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Văn T2 và bà Nguyễn Thùy V1

Địa chỉ: Hẻm B P, Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk –
Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Vĩnh

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thanh T, sinh năm 2005, trú tại: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Khoảng đầu tháng 12 năm 2023, Bùi Thanh T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, gắn sim thuê bao số 0346533791 để sử dụng, sau đó T đã lên mạng xã hội Telegram, rồi vào các hội nhóm kín để xem, sưu tập hình ảnh, video khỏa thân của những người nữ giới thì T nhìn thấy có một tài khoản Telegram (Chưa xác định được thông tin tài khoản, nhân thân, lai lịch người sử dụng) chia sẻ đường Link có hình ảnh, video khỏa thân và cách thức liên hệ với của Đặng Xuân Đ, sinh ngày 07/12/2007, nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, có mối quan hệ yêu đương qua mạng xã hội với một người nam thanh niên tên T3 (Chưa xác định nhân thân, lai lịch). Quá trình nhắn tin, nói chuyện với nhau, Đ thường xuyên chụp hình ảnh, quay video khỏa thân, không mặc quần áo gửi cho T3 xem. Đến khoảng tháng 10 năm 2023, Đ và T3 kết thúc mối quan hệ, không liên lạc với nhau. Thấy vậy, T nhắn tin, liên lạc với Đặng Xuân Đ qua đường L chia sẻ nêu trên thì Đ hỏi “nguồn gốc từ đâu T có những hình ảnh, video này?”. Lúc này, T biết Đ chính là người trong hình ảnh, video khỏa thân rồi lưu những hình ảnh, video khỏa thân của Đ về điện thoại của T rồi dùng những hình ảnh, video này để đe dọa, uy hiếp tinh thần của Đ nhằm mục đích cưỡng đoạt số tiền 2.500.000 đồng của Đ. Sau đó, T sử dụng chiếc điện thoại của T đăng ký các tài khoản facebook tên “Lan N”, “Nguyễn Xuân T4” để nhắn tin đến các tài khoản “Xuân Đan”, “Đặng Xuân Đ” của Đ để đe dọa, uy hiếp tinh thần làm Đan hoảng sợ, xóa các tài khoản này, ngăn chặn cách thức liên lạc với T. Do không còn cách thức liên lạc với Đ nên T đăng thông tin, hình ảnh của Đ lên trang mạng Facebook (T5 Facebook “Đoàn Trường Trung học phổ thông Buôn Ma T6”; T5 cá nhân tài khoản Facebook “Nguyễn Minh T7” của T về việc tìm Đ, đăng hình ảnh của Đ đã được T làm mờ vùng nhạy cảm, chỉ để lộ nhân dạng) để cho Đ cùng người thân, bạn bè, gia đình, người quen nhìn thấy, buộc Đ phải liên lạc lại với T nếu không muốn bị phát tán các hình ảnh nhạy cảm của Đ. Lo sợ T sẽ phát tán, chia sẻ những hình ảnh gốc, hình ảnh khỏa thân, không mặc quần áo của mình nên Đ liên lạc với T qua tài khoản

Zalo tên “T8” sử dụng số thuê bao 0346533791 của T để đăng ký. Trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2024 đến tháng 3 năm 2024, T liên tục dùng lời nói, tin nhắn, gọi điện, đe dọa, yêu cầu Đ: “T vừa cần tiền vừa cần nhu cầu”; “Trong lúc chưa đưa đủ tiền M phải đáp ứng đến khi nào đủ tiền”, “Mẹ thế gửi ảnh đi đợi hoài à”; “éo a thích tình dục giờ a nói thẳng v á”; “Ai bảo em chả tìm ra con nào thế”; “Còn cái trò trốn chưa nhắc, đợi t điên lên rồi mới chuyển à”, “Hay muốn cả Lê Quý Đ1 biết”; “Có 500 mua 500 có 1tr mua 1tr”; “Tóm lại còn 1tr9 +200 là 2tr1”; “2tr1 có gửi trước ít, rồi có tích thêm”; “Từ giờ tới lúc đủ số tiền thì lúc t cần t vẫn kêu, có đủ ảnh hoặc video thỏa mãn thì thôi”.... Do hoảng sợ dưới sự đe dọa, uy hiếp của T, Đ đã sử dụng số tài khoản 72707122007123 mở tại ngân hàng thương mại cổ phần Q mang tên DANG XUAN DAN của Đ chuyển khoản đến các tài khoản mà T cung cấp, gồm: Lần lượt số tiền 200.000 đồng (vào ngày 06/02/2024) và 200.000 đồng (vào ngày 21/02/2024) đến tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Q mang tên Trương Quốc T9 của Trương Quốc T10, sinh năm 2006, trú tại: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (là bạn học cũ của T10) và chuyển số tiền 500.000 đồng (vào ngày 01/03/2024) đến tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Q mang tên Mai Ngọc T11 của Mai Ngọc T12, sinh năm 2004, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (là bạn của T12). Sau khi nhận được tiền, T12 nói Trương Quốc T10 chuyển lại cho T10 số tiền 180.000 đồng (vào ngày 07/02/2024) và 180.000 đồng (vào ngày 21/02/2024) đến tài khoản ngân hàng số 123454869 mang tên BUI THANH TUAN của T10 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q, T10 cho Trương Quốc T10 mỗi lần chuyển khoản là 20.000 đồng, tổng cộng là 40.000 đồng; Mai Ngọc T12 nhận được số tiền 500.000 đồng và chuyển khoản tiếp đến tài khoản số 06999910122000 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội mang tên LE THI THUY TIEN của chị Lê Thị Thùy T13, sinh năm 2000, nơi thường trú: Khố phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, lấy tiền mặt đưa cho T12 là 500.000 đồng. Số tiền này T12 đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, trong thời gian Đ chưa chuyển đủ tiền cho T12 thì T12 buộc Đ phải gọi điện video (trực tiếp) cho T12 xem Đan khóa thân, không mặc quần áo, thực hiện các động tác kích thích nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của T12, nhằm chiếm đoạt bằng được số tiền 1.600.000 đồng còn lại từ Đ. T12 đã sử dụng chiếc điện thoại của T12, truy cập vào trang mạng Internet <https://catbox.moe> rồi tải các hình ảnh khóa thân của Đ lên mạng, thực hiện các thao tác chỉnh sửa ảnh, che mờ nhận dạng và các cùng nhạy cảm trên cơ thể của Đ rồi lưu lại, trích xuất files và lấy đường link hình ảnh vừa chỉnh sửa này là <https://files.catbox.moe/cbzfhk.jpeg> Sau đó, gửi cho ông Đặng Văn T2, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thùy V1, sinh năm 1979, cùng trú tại: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (là bố mẹ của Đ), mục đích đe dọa, uy hiếp Đ và gia đình để cưỡng đoạt tổng số tiền 2.500.000 đồng. Do liên tục bị

T12 đe dọa, uy hiếp, gây ảnh hưởng đến tinh thần, cưỡng đoạt tài sản của Đ, nên Đ cùng bà Nguyễn Thị Thùy V2 (mẹ ruột của Đ – là người giám hộ) đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc bị đe dọa, cưỡng đoạt tài sản.

Tại Kết luận giám định số 331/QĐ-SVHTTDL ngày 12/6/2024, của Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao Du lịch tỉnh Đ, kết luận giám định:

a) Kết quả giám định: Sau khi xem 02 hình ảnh được lưu trong đĩa (01) DVD, các thành viên giám định thảo luận, thống nhất như sau: Hình ảnh 1: Hình ảnh 01 cô gái đã bị che các bộ phận nhạy cảm. Tổ giám định kết luận không có nội dung khiêu dâm, đồi trụy; Hình ảnh 2: Có một số hình ảnh có nội dung khiêu dâm, đồi trụy (đã được làm mờ).

b) Kết luận: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ; khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 quy định chi tiết thi hành một số điều quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ; Tập thể giám định nhận thấy: 02 hình ảnh được triết xuất, sao lưu trong 01 đĩa DVD: Hình ảnh 1: Không có nội dung khiêu dâm, đồi trụy; Hình ảnh 2: Có nội dung khiêu dâm, đồi trụy.

Tại bản cáo trạng số 208/CT-VKS-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Bùi Thanh T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra, cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng số 208/CT-VKS-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh T từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- *Về dân sự*: Chấp nhận giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 20.900.000 đồng.

- *Về xử lý vật chứng*: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, số Imei: 350400616884480, đã qua sử dụng, gắn sim thuê bao số 0346533791 và một chiếc sim điện thoại của thuê bao số 0762717908 tạm giữ từ bị cáo Bùi Thanh T.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng tháng 02 năm 2024, trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Bùi Thanh T đã nhiều lần dùng hình ảnh, video khóa thân của Đặng Xuân Đ để uy hiếp tinh thần của Đặng Xuân Đ nhằm mục đích cưỡng đoạt số tiền 2.500.000 đồng của Đặng Xuân Đ thì bị phát hiện, xử lý.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[3]. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, như vậy quyết định truy tố bị cáo Bùi Thanh T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Điều 170 Bộ luật Hình sự quy định.

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật. Bị cáo nhận thức được rằng, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, luôn luôn được Nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Song, do ý thức coi thường pháp luật, coi thường các quy định về quyền sở hữu tài sản của người khác và động cơ vụ lợi cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi nhiều lần dùng hình ảnh, video khóa thân của Đặng Xuân Đ để uy hiếp tinh thần của Đặng Xuân Đ nhằm mục đích cưỡng đoạt số tiền 2.500.000 đồng của Đặng Xuân Đ. Vì vậy, đối với bị cáo cần có bản án nghiêm khắc và buộc cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định có như vậy mới đủ tính chất, giáo dục và răn đe đối với bị cáo.

- Đối với hành vi của bị cáo Bùi Thanh T nhắn tin, gửi hình ảnh khóa thân (đã được làm mờ) của Đ cho ông Đặng Văn T2 và bà Nguyễn Thùy V2, Căn cứ Điều 24; Khoản 4 Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điểm b khoản 1 Điều 101 Nghị định 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã có Công văn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Thanh T bằng hình thức phạt tiền, số tiền 15.000.000 đồng về hành vi “Cung cấp, chia sẻ thông tin cổ súy hủ tục, mê tín dị đoan, dâm ô, đồi trụy, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc”.

- Đối với Trương Quốc T10, Mai Ngọc T12, Lê Thị Thùy T13 là những người dùng tài khoản ngân hàng để nhận tiền từ Đ; Nguyễn Đăng K, sinh ngày 01/07/2008, nơi thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quang Nam, là người đăng ký, cho bị can T12 sử dụng số thuê bao 0762717908. Chị T13, Mai Ngọc T12, Trương Quốc T10 và K không biết nguồn gốc số tiền, không biết hành vi phạm tội mà bị can Bùi Thanh T đã thực hiện nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với T13, K, Mai Ngọc T12 và Trương Quốc T10.

- Đối với người nam thanh niên tên T3 (Chưa xác định nhân thân, lai lịch), là người mà Đ đã gửi các hình ảnh, video khóa thân và người dùng tài khoản T14 (Chưa xác định được thông tin tài khoản, nhân thân, lai lịch người sử dụng) chia sẻ, gửi cho bị can T10 các hình ảnh, video khóa thân của Đ, Cơ quan điều tra chưa xác định được nên tách đối tượng và hành vi nêu trên ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự: Khi thực hiện hành vi

phạm tội bị cáo phạm tội hai lần trở lên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả thiệt hại về tinh thần cho bị hại với số tiền 20.900.000 đồng. Bị hại đã có đơn xin bãi nại và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng cần áp dụng trong khi lượng hình, để giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[6]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- *Về trách nhiệm dân sự*: Chấp nhận giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 20.900.000 đồng.

- *Về xử lý vật chứng*: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, số Imei: 350400616884480, đã qua sử dụng, gắn sim thuê bao số 0346533791 và một chiếc sim điện thoại của thuê bao số 0762717908 tạm giữ từ bị cáo Bùi Thanh T.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.*

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thanh T** 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/3/2024.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Chấp nhận giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 20.900.000 đồng.

- *Về xử lý vật chứng*: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, số Imei: 350400616884480, đã qua

sử dụng, gắn sim thuê bao số 0346533791 và một chiếc sim điện thoại của thuê bao số 0762717908 tạm giữ từ bị cáo Bùi Thanh T.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chánh án TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Y Kam Ênuôl